

Bản án số: 18/2025/DS- ST
Ngày 21-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 03/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn S, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông P và bà T có mặt, ông S vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024 của bà Nguyễn Thị L cũng như trong suốt quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 09/7/2024 (al) nhằm ngày 12/8/2024 (dl) bà L có cho vợ chồng bà T vay số tiền 430.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán là 10 ngày. Bà T nhận tiền có sự chứng kiến của ông S. Tuy nhiên, kể từ ngày 12/8/2024 đến nay bà T không thanh toán tiền lãi và tiền vốn cho bà L. Sau khi khởi kiện thì bà T có trả cho bà L 10.000.00 đồng. Nay bà L yêu cầu bà T và ông S liên đới trả số tiền vay là 420.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 12/8/2024 đến ngày Tòa xét xử.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Lương Thị T trình bày:

Bà thừa nhận bà còn thiếu bà L số tiền là 430.000.000 đồng, nhưng đã trả được 10.000.000 đồng vào ngày 12/12/2024. Số tiền này vay nhiều lần, mỗi lần khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Ngày 09/7/2024 (al) thì kết sổ lại bà còn thiếu bà L 430.000.000 đồng. Tiền mua về buôn bán trái cây để phục vụ kinh tế gia đình, việc bà vay tiền ông S không biết. Bà và ông S trước kia có sống chung có đăng ký kết hôn lâu rồi không nhớ năm. Từ năm 2023 đến nay bà và ông S đã sống ly thân, bà buôn bán trái cây ở Thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu mới về nhà. Bà đồng ý trả cho bà L số 420.000.000 đồng, xin trả dần mỗi năm trả 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 96, Điều 97, Điều 101, Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng ông S vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

Buộc bà Lương Thị T và ông Đào Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 12/8/2024 đến ngày 21/3/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 của bà Nguyễn Thị L đối với bà Lương Thị T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Xác định bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn và bà Lương Thị T là bị đơn và ông Đào Văn S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Lương Thị T có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông S đến để tham gia phiên tòa nhưng ông S vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Lương Thị T và ông Đào Văn S liên đới trả cho bà số tiền vay là 420.000.000 đồng, bà T đồng ý, ông S không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận bà còn thiếu bà L số tiền vay là 420.000.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu của bà L là có căn cứ để chấp nhận.

Xét về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26, khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Trong giấy mượn tiền có nội dung “*T có mượn Nguyễn Thị L 430.000.000 đồng về trả ngân hàng*” mặc dù bà T không thừa nhận nội dung này nhưng bà T xác nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn nợ ngày 09/7/2024 (al) là của bà nên lời trình bày của bà là không có cơ sở để chấp nhận.

+ Tuy nhiên tại phiên tòa và trong suốt quá trình tố tụng bà T thừa nhận số tiền này bà vay của bà L rất nhiều lần từ lúc bà còn sống chung với ông S, bà và ông S là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, bà vay tiền của bà L để mua bán trái cây tại Thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu gửi tiền về nhà để phụ ông S nuôi con. Do đó, việc mua bán của bà T nhằm phục vụ kinh tế chung và nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông S biết việc mua bán của bà T và ông S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Từ những phân tích trên, thấy rằng nên yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông Đào Văn S liên đới cùng bà Lương Thị T trả số tiền vay còn thiếu là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lương Thị T và ông Đào Văn S phải liên đới trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền vay còn thiếu là 420.000.000 đồng

tính từ ngày 112/8/2024 đến khi kết thúc vụ án, bị đơn bà Lương Thị T không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ngày tổng kết số nợ là 12/8/2024 nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của 25.447.800 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 445.447.800 đồng.

Đối với yêu cầu trả dần của bà T: Bà T cho rằng không có khả năng trả nợ ngay một lần, yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi năm trả 10.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu này của bà T thuộc về giai đoạn thi hành án nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thỏa thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lương Thị T và ông Đào Văn S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 21.818.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị L theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Lương Thị T và ông Đào Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn thiếu là 445.447.800 đồng. Trong đó: tiền vốn là 420.000.000 đồng và tiền lãi là 25.447.800 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 21.818.000 đồng bà Lương Thị T và ông Đào Văn S có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 10.858.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006659 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Những người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm